

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, nơi khô ráo, tránh ẩm mốc, nên dùng trong 3 tháng sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, tính hơi hàn. Vào các kinh phế, vị.

Công năng, chủ trị

Dưỡng âm, nhuận táo, sinh tân, chỉ khát, bổ khí. Chủ trị: Phế vị táo nhiệt do tổn thương phần âm, ho khan, họng khô, miệng khát, đau vùng thượng vị, ợ hơi, có trường hợp ợ chua, khi ngủ khô miệng, âm hư sinh chứng nội nhiệt (tiểu đường) tiêu khát.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g, dạng thuốc sắc, tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Đờm tích, ứ trệ không nên dùng.

NGOI (Lá)

Solani erianthi Folium

Cà ngoi

Lá được làm khô của cây Ngoi (*Solanum erianthum* D. Don), họ Cà (Solanaceae). Thu hái lá quanh năm, phơi hay sấy khô ở nhiệt độ 50 °C đến 60 °C, có thể dùng tươi.

Mô tả

Lá khô thường bị quăn lại hay gấp nếp, màu xanh xám, có lông mịn nhất là ở phần cuống và lá non. Phiến lá sau khi làm giãn nở có hình thuôn nhọn hay elip, dài 10 cm đến 29 cm, rộng từ 4 cm đến 12 cm. Mùi hắc, khai; vị đắng, cay.

Vi phẫu

Vi phẫu lá có thiết diện đối xứng qua trục giữa. Cấu tạo gồm có các phần:

Gân lá: Mặt trên hơi lồi, mặt dưới rất lồi. Biểu bì gồm các tế bào hình chữ nhật xếp thành một lớp. Tế bào biểu bì mang lông che chở đa bào hình sao (5 đến 11 tế bào) và lông tiết đầu đa bào (4 đến 6 tế bào), chân đa bào (2 tế bào). Mô dày gồm 5 đến 7 dãy tế bào thành dày. Bó libe-gỗ hình cung xếp giữa gân lá, gồm cung libe bao quanh cung gỗ. Mô mềm gồm các tế bào hình tròn hay nhiều cạnh, thành mỏng, nằm giữa mô dày và bó libe, tế bào chứa tinh thể calci oxalat dạng cát nằm rải rác.

Phiến lá: Biểu bì trên và biểu bì dưới gồm một lớp tế bào mang lông che chở đa bào và lông tiết đa bào. Nằm sát lớp biểu bì trên là mô giậu, cấu tạo bởi các tế bào hình chữ nhật xếp đứng cạnh nhau. Dưới mô giậu là mô mềm cấu tạo bởi các tế bào không đều, thành mỏng.

Bột

Bột có màu xanh xám, rất xốp. Quan sát dưới kính hiển vi thấy: Mảnh biểu bì mang lỗ khí; mảnh mạch xoắn; tinh thể calci oxalat hình cầu gai; lông che chở đa bào; lông tiết chân 2 tế bào, đầu đa bào.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Cloroform - methanol (10 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g bột dược liệu, thêm 70 ml dung dịch acid acetic 5 %, ngâm qua đêm. Lọc dịch chiết qua giấy lọc. Kiểm tra dịch lọc bằng amoniac (TT) đến pH 9,5 - 10, chiết 3 lần với cloroform (TT), mỗi lần 30 ml. Gộp dịch chiết cloroform, thu hồi dung môi đến cạn, hoà tan cần trong 1 ml methanol (TT) được dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 5 g bột lá Ngoi (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí, phun thuốc thử Dragendorff (TT). Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có 7 vết chính tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không được quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 °C, 4 h).

Tạp chất

Không được quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Tỷ lệ vụn nát

Qua rây có kích thước mắt rây 4 mm: Không được quá 5 % (Phụ lục 12.12).

Tro toàn phần

Không được quá 14,0 % (Phụ lục 9.8).

Định lượng

Phương pháp quang phổ hấp thụ tử ngoại và khả kiến (Phụ lục 4.1).

Dung dịch chuẩn gốc: Cân chính xác khoảng 0,05 g solasodin chuẩn, cho vào bình định mức 100 ml, thêm một ít methanol (TT), lắc cho tan hết solasodin, thêm tiếp methanol (TT) đến vạch và lắc đều.

Dung dịch thử gốc: Cân chính xác khoảng 1,0 g bột dược liệu (qua rây 1,25 mm), đun hồi lưu trong cách thủy 3 h với 50 ml dung dịch acid acetic 5 % trong methanol. Để nguội, lọc, rửa bã dược liệu 2 lần, mỗi lần bằng 30 ml dung dịch acid acetic 5 % trong methanol. Gộp dịch lọc và dịch rửa, thu hồi dung môi và cô trong chân không ở 50 °C tới khô. Dùng methanol (TT) để hòa tan và chuyển toàn bộ cần vào bình định mức 25 ml, thêm methanol (TT) đến vạch. Đậy nút và lắc đều. Lọc.

Cách tiến hành:

Lần lượt cho vào 3 bình gạn dung tích 50 ml các dung dịch sau:

Dung dịch sử dụng	Bình 1 Dung dịch chuẩn (ml)	Bình 2 Dung dịch thử (ml)	Bình 3 Mẫu trắng (ml)
Dung dịch đệm phosphat 0,1 M pH 8,0 (TT)	5	5	5
Dung dịch xanh bromthymol 0,2 % (Hoà tan 0,2 g xanh bromthymol (TT) trong ethanol 20 % (TT), thêm cùng dung môi để vừa đủ 100 ml).	0,5	0,5	0,5
Dung dịch chuẩn gốc	0,5	0	0
Dung dịch thử gốc	0	0,5	0
Methanol (TT)	0	0	0,5
Cloroform (TT)	10	10	10

Lắc kỹ 3 bình trên trong 15 min, sau đó để yên khoảng 30 min cho phân lớp. Gạn lấy lớp cloroform vào 3 bình gạn khác. Lắc lớp cloroform với 10 ml dung dịch natri hydroxyd 0,05 M (TT). Để yên 30 min cho phân lớp. Gạn lấy dung dịch kiểm màu xanh.

Đo độ hấp thụ ở bước sóng 616 nm của các dung dịch kiểm thu được. Tính hàm lượng glycoalcaloid trong mẫu thử theo solasodin dựa vào độ hấp thụ của dung dịch thử, dung dịch chuẩn và hàm lượng $C_{27}H_{43}NO_2$ trong solasodin chuẩn.

Hàm lượng glycoalcaloid toàn phần trong dược liệu không được ít hơn 0,45 % tính theo solasodin ($C_{27}H_{43}NO_2$), tính theo dược liệu khô kiệt.

Bảo quản

Để nơi khô, thoáng mát.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, cay, tính ấm, có độc.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt tiêu thũng, sát trùng, chỉ huyết, hành khí chỉ thống, sinh cơ thu liễm. Chủ trị: Đau dạ dày, phong thấp tê bại, mụn nhọt ung độc, đòn ngã tổn thương, gãy xương, bệnh bạch cầu hạt mạn tính.

Dùng ngoài trị viêm da có mủ, lở loét, hắc bào, lao hạch.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 10 g đến 15 g, dạng thuốc sắc.

Dùng ngoài: Lượng thích hợp, rửa sạch, giã giập, sao nóng, đắp vào chỗ đau.

NGÔ CÔNG

Scolopendra

Thiên long

Ngô công là cơ thể khô của loài Rết (*Scolopendra morsitans* Linnaeus), họ Rết (Scolopendridae). Rết dùng làm thuốc được bắt vào mùa xuân hoặc mùa hè, được đuổi thẳng bằng que nứa xuyên từ đầu đến đuôi, đem phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Cơ thể rết nhỏ, dài 7 cm đến 15 cm. Thân dẹt bao gồm khoảng 20 đốt, các đốt thân gần giống nhau, mỗi đốt mang một đôi chân. Rết có một đôi râu ngắn. Đầu ngắn do 6 đến 7 đốt hợp lại. Hai bên đầu có nhiều mắt đơn. Miệng nằm giữa 2 hàm trên. Đôi chân thứ nhất biến đổi thành chân hàm có móc chứa nọc độc, hướng thẳng về phía trước. Tuyến độc nằm trong gốc háng hay sâu hơn nữa. Hai đốt cuối thường không có chân. Đôi chân cuối cùng thường dài và duỗi về phía sau. Kết cấu mỏng manh dễ gãy theo đường nứt. Mùi hơi khó chịu đặc trưng, nếm thấy có vị hăng cay, hơi mặn.

Ghi chú: Con rết đã khô còn nguyên cả đầu, chân, đầu màu vàng, lưng màu đen, chân và bụng màu hơi đỏ lẫn vàng là loại tốt.

Độ ẩm

Không được quá 15,0 % (Phụ lục 9.6, 2 g, 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không được quá 5,0 % (Phụ lục 9.8).

Chất chiết được

Không được dưới 20,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng ethanol 50 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Dùng ngoài:

Ngâm với ethanol 90 %: Để cả con còn sống hoặc đã phơi khô (còn sống còn nhiều độc tố tốt hơn), ngâm với ethanol 90 %, cứ khoảng 5 con rết ngâm với 200 ml ethanol 90 %, ngâm càng lâu càng tốt. Lấy dịch ngâm bôi lên mụn nhọt mới phát, rất tốt đối với nhọt đầu đinh.

Chế cao dán: Lấy rết khô tán bột mịn. Nếu có cả bột con Bọ hung phối hợp càng tốt. Lấy dầu vừng và sáp ong tỷ lệ (50 : 50), đun sôi hỗn hợp rồi cho bột Ngô công và Bọ hung vào khuấy thật đều, để nguội, cho vào lọ thủy tinh rộng miệng đậy kín, bôi lên mụn nhọt ngoài da mới phát chưa đóng mủ.

Dùng làm thuốc sắc: Rửa sạch, bỏ đầu đuôi và chân nếu là loại nguyên cả con. Tẩm rượu (để đưa thuốc vào phần huyết), ủ 2 h, sau đó tẩm nước cốt gừng (cứ khoảng 50 con rết dùng 150 g đến 200 g gừng tươi giã nhỏ, cho nước vào vắt lấy nước cốt), ủ 3 h. Sao với gạo nếp (cho gạo nếp vừa đủ, đun nhỏ lửa thấy gạo nếp bốc mùi thơm, cho Ngô công vào đảo đều nhưng không để Ngô công vỡ nát) đến khi gạo